

Số: /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH**Về việc chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp****BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 18 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 1378/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ủy quyền cho Quyền Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia ký các văn bản giải quyết thủ tục hành chính về hoạt động đánh giá sự phù hợp; xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân; xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Chỉ định Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7 – Tòa nhà Cục Viễn thông, đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.39436608

Fax: 024.37820998

E-mail: hdluong@vnta.gov.vn

Thực hiện việc **thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng** (Phạm vi được chỉ định theo Phụ lục đính kèm Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực đến ngày 14/05/2031 và thay thế Quyết định số 2449/QĐ-BKHCN ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 3. Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông có trách nhiệm duy trì năng lực theo quy định của pháp luật đối với tổ chức thử nghiệm đã đăng ký lĩnh vực hoạt động và tổ chức thử nghiệm được chỉ định; chỉ thực hiện hoạt động thử nghiệm trong phạm vi được chỉ định khi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm còn hiệu lực; thực hiện việc thử nghiệm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả đánh giá sự phù hợp do đơn vị mình thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Trưởng ban Ban Quản lý chất lượng và Đánh giá sự phù hợp, Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Xuân Định (để b/c);
- Chủ tịch Nguyễn Nam Hải;
- Phó Chủ tịch Trần Đăng Khoa;
- Lưu: VT, TĐC (5).

TUQ. BỘ TRƯỞNG
CHỦ TỊCH
ỦY BAN TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Nguyễn Nam Hải

Phụ lục

PHẠM VI ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BKHCN ngày / /2026
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

**1. Phòng thử nghiệm tại Trụ sở chính: Tầng 7, Tòa nhà Cục Viễn thông,
đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội**

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
1.	Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten liền dùng cho thoại tương tự	Thử nghiệm sai số tần số	QCVN 37:2018/BTTTT
2.		Thử nghiệm độ lệch tần số cho phép cực đại	
3.		Thử nghiệm công suất kênh lân cận và kênh xen kẽ	
4.		Thử nghiệm hoạt động thoại của máy phát	
5.		Thử nghiệm thời gian truyền lớn nhất	
6.		Thử nghiệm triệt nhiễu đồng kênh	
7.		Thử nghiệm độ chọn lọc kênh lân cận	
8.		Thử nghiệm triệt đáp ứng xuyên điều chế	
9.	Thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất có ăng ten rời dùng cho truyền số liệu (và thoại)	Thử nghiệm sai số tần số	QCVN 42:2011/BTTTT
10.		Thử nghiệm công suất sóng mang (dẫn)	
11.		Thử nghiệm công suất kênh lân cận	
12.		Thử nghiệm phát xạ giả	
13.		Thử nghiệm suy hao xuyên điều chế	
14.		Thử nghiệm thời gian kích hoạt máy phát	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
15.	Thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất có ăng ten rời dùng cho truyền số liệu (và thoại)	Thử nghiệm thời gian khởi hoạt máy phát	QCVN 42:2011/BTTTT
16.		Thử nghiệm quá độ của máy phát	
17.		Thử nghiệm độ nhạy (số liệu hoặc bản tin)	
18.		Thử nghiệm triệt nhiễu đồng kênh	
19.		Thử nghiệm độ chọn lọc kênh lân cận	
20.		Thử nghiệm triệt đáp ứng giả	
21.		Thử nghiệm triệt đáp ứng xuyên điều chế	
22.		Thử nghiệm nghẹt	
23.		Thử nghiệm giảm nhạy máy thu	
24.		Thử nghiệm triệt đáp ứng giả máy thu	
25.	Thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất có ăng ten rời dùng cho thoại tương tự	Thử nghiệm sai số tần số	QCVN 43:2011/BTTTT
26.		Thử nghiệm công suất sóng mang (dẫn)	
27.		Thử nghiệm độ lệch tần số	
28.		Thử nghiệm công suất kênh lân cận	
29.		Thử nghiệm phát xạ giả	
30.		Thử nghiệm suy hao xuyên điều chế	
31.		Thử nghiệm đặc điểm tần số quá độ máy phát	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
32.	Thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất có ăng ten rời dùng cho thoại tương tự	Thử nghiệm độ nhạy khả dụng cực đại (dẫn)	QCVN 43:2011/BTTTT
33.		Thử nghiệm triệt nhiễu đồng kênh	
34.		Thử nghiệm độ chọn lọc kênh lân cận	
35.		Thử nghiệm triệt đáp ứng giả	
36.		Thử nghiệm triệt đáp ứng xuyên điều chế	
37.		Thử nghiệm nghẹt	
38.		Thử nghiệm yêu cầu cho máy thu hoạt động song công	
39.	Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten liền dùng cho truyền dữ liệu và thoại	Thử nghiệm sai số tần số	QCVN 44:2018/BTTTT
40.		Thử nghiệm công suất kênh lân cận và kênh khác	
41.		Thử nghiệm thời gian kích hoạt máy phát	
42.		Thử nghiệm thời gian khử hoạt máy phát	
43.		Thử nghiệm tác động quá độ của máy phát	
44.		Thử nghiệm tác động lỗi khi tín hiệu đầu vào ở mức cao	
45.		Thử nghiệm triệt nhiễu đồng kênh	
46.		Thử nghiệm độ chọn lọc kênh lân cận	
47.		Thử nghiệm triệt đáp ứng xuyên điều chế	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
48.	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện hoạt động trong dải tần số từ 9 kHz đến 30 GHz	Thử nghiệm dung sai tần số	QCVN 47:2015/BTTTT
49.		Thử nghiệm phát xạ giả	
50.		Thử nghiệm phát xạ ngoài băng	
51.		Thử nghiệm băng thông chiếm dụng	
52.	Thiết bị truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz	Thử nghiệm công suất phát RF	QCVN 54:2020/BTTTT
53.		Thử nghiệm mật độ phổ công suất (thiết bị khác FHSS)	
54.		Thử nghiệm chu kỳ làm việc, chuỗi phát, khoảng ngừng phát	
55.		Thử nghiệm thời gian truyền tích lũy, chuỗi nhảy tần và chiếm giữ tần số	
56.		Thử nghiệm khoảng nhảy tần (thiết bị FHSS)	
57.		Thử nghiệm hệ số sử dụng môi trường	
58.		Thử nghiệm khả năng thích nghi của thiết bị FHSS thích nghi	
59.		Thử nghiệm băng thông kênh chiếm dụng	
60.		Thử nghiệm phát xạ không mong muốn của máy phát trong miền ngoài băng (dẫn)	
61.		Thử nghiệm phát xạ không mong muốn của máy phát trong miền giả (dẫn)	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
62.	Thiết bị truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz	Thử nghiệm phát xạ giả của máy thu (dẫn)	QCVN 54:2020/BTTTT
63.		Thử nghiệm đặc tính chặn của máy thu	
64.		Thử nghiệm khả năng thích nghi của thiết bị khác FHSS	
65.		Kiểm tra khả năng định vị vị trí địa lý	
66.	Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần từ 9 kHz đến 25 MHz và thiết bị vòng từ hoạt động trong dải tần từ 9 kHz đến 30 MHz	Thử nghiệm phân loại máy phát	QCVN 55:2023/BTTTT
67.		Thử nghiệm dòng sóng mang RF	
68.		Thử nghiệm dải tần được cho phép hoạt động	
69.		Thử nghiệm dải tần hoạt động	
70.		Thử nghiệm băng thông điều chế	
71.		Thử nghiệm phát xạ giả dẫn của máy phát	
72.		Thử nghiệm độ ổn định tần số máy phát	
73.		Thử nghiệm độ chọn lọc kênh lân cận	
74.		Thử nghiệm đặc tính chặn hay mức giảm độ nhạy thu đối với tín hiệu không mong muốn	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
75.	Thiết bị thu truyền hình số mặt đất DVB-T2	Kiểm tra yêu cầu thu và giải mã tín hiệu	QCVN 63:2020/BTTTT
76.		Kiểm tra yêu cầu về nguồn điện đối với STB	
77.		Thử nghiệm nâng cấp phần mềm	
78.		Thử nghiệm hiển thị chỉ thị chất lượng tín hiệu và chỉ thị cường độ tín hiệu	
79.		Thử nghiệm thông tin dịch vụ	
80.		Thử nghiệm bộ quản lý chương trình	
81.		Thử nghiệm phụ đề	
82.		Thử nghiệm đánh số kênh logic	
83.		Kiểm tra cổng kết nối đầu vào RF	
84.		Kiểm tra HDMI	
85.		Kiểm tra đầu ra video tổng hợp	
86.		Kiểm tra giao diện âm thanh RCA	
87.		Kiểm tra giao diện hỗ trợ truy nhập có điều kiện	
88.		Thử nghiệm tần số và băng thông kênh	
89.		Thử nghiệm băng thông tín hiệu	
90.		Thử nghiệm các chế độ RF	
91.		Thử nghiệm hỗ trợ Multi PLP	
92.		Thử nghiệm hỗ trợ Multi PLP và Common PLP	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
93.	Thiết bị thu truyền hình số mặt đất DVB-T2	Thử nghiệm hỗ trợ Normal Mode	QCVN 63:2020/BTTTT
94.		Thử nghiệm khả năng thích ứng khi thay đổi các tham số điều chế	
95.		Thử nghiệm yêu cầu C/N đối với kênh Gauss	
96.		Thử nghiệm yêu cầu C/N đối với kênh vòm 0 dB	
97.		Thử nghiệm mức tín hiệu tối thiểu đầu vào thiết bị thu trên kênh Gauss	
98.		Thử nghiệm mức tín hiệu tối thiểu đầu vào thiết bị thu trên kênh vòm 0 dB	
99.		Thử nghiệm hệ số tạp âm (NF) trên kênh Gauss	
100.		Thử nghiệm mức tín hiệu đầu vào tối đa	
101.		Thử nghiệm khả năng chống nhiễu đối với các tín hiệu tương tự trong các kênh khác	
102.		Thử nghiệm khả năng chống nhiễu đối với các tín hiệu số trên các kênh khác	
103.		Thử nghiệm khả năng chống nhiễu đồng kênh từ các tín hiệu TV tương tự	
104.		Thử nghiệm khả năng chống nhiễu đối với tín hiệu LTE 700 MHz trên các kênh khác	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
105.	Thiết bị thu truyền hình số mặt đất DVB-T2	Thử nghiệm yêu cầu C/(N+I) khi có nhiễu trong khoảng bảo vệ trong mạng SFN	QCVN 63:2020/BTTTT
106.		Thử nghiệm yêu cầu C/(N+I) khi có nhiễu ngoài khoảng bảo vệ trong mạng SFN	
107.		Thử nghiệm bộ giải ghép MPEG	
108.		Thử nghiệm bộ giải mã video	
109.		Thử nghiệm bộ giải mã audio	
110.	Thiết bị truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz	Thử nghiệm tần số trung tâm danh định	QCVN 65:2021/BTTTT
111.		Thử nghiệm băng thông kênh danh định và băng thông kênh chiếm dụng	
112.		Thử nghiệm công suất phát RF, điều khiển công suất phát (TPC) và mật độ công suất	
113.		Thử nghiệm phát xạ không mong muốn ngoài băng tần RLAN 5 GHz (dẫn)	
114.		Thử nghiệm phát xạ không mong muốn của máy phát trong băng tần RLAN 5 GHz (dẫn)	
115.		Thử nghiệm phát xạ giả máy thu (dẫn)	
116.		Thử nghiệm lựa chọn tần số động DFS	
117.		Thử nghiệm đặc tính chặn máy thu	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
118.	Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần 25 MHz - 1 GHz	Thử nghiệm sai số tần số	QCVN 73:2013/BTTTT
119.		Thử nghiệm công suất trung bình (dẫn)	
120.		Thử nghiệm điều chế trải phổ	
121.		Thử nghiệm công suất kênh liên kề	
122.		Thử nghiệm độ rộng băng tần điều chế	
123.		Thử nghiệm phát xạ không mong muốn trong miền giả	
124.		Thử nghiệm độ ổn định tần số dưới các điều kiện của điện áp	
125.		Thử nghiệm chu kỳ hoạt động	
126.		Thử nghiệm bộ định thời	
127.		Thử nghiệm độ nhạy máy thu	
128.		Thử nghiệm ngưỡng LBT của thiết bị thu	
129.		Thử nghiệm độ chọn lọc kênh liên kề	
130.		Thử nghiệm nghẹt	
131.		Thử nghiệm triệt đáp ứng giả	
132.		Thử nghiệm phát xạ giả máy thu	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
133.	Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn băng tần 1 GHz - 30 GHz	Thử nghiệm phạm vi các tần số hoạt động được cho phép	QCVN 74:2020/BTTTT
134.		Thử nghiệm các phát xạ không mong muốn trong vùng giả	
135.		Thử nghiệm chu kỳ hoạt động	
136.		Thử nghiệm những yêu cầu bổ sung cho thiết bị FHSS	
137.		Thử nghiệm độ chọn lọc kênh lân cận	
138.		Thử nghiệm độ chặn	
139.	Về thiết bị âm thanh không dây dải tần 25 MHz đến 2000 MHz	Thử nghiệm sai số tần số	QCVN 91:2015/BTTTT
140.		Thử nghiệm phát xạ giả	
141.		Thử nghiệm băng thông kênh	
142.		Thử nghiệm khóa đóng tắt máy phát âm thanh không dây	
143.	Pin Lithium cho thiết bị cầm tay	Kiểm tra về các điện cực	QCVN 101:2020/BTTTT
144.		Kiểm tra về cảm quan	
145.		Kiểm tra về ký hiệu và nhãn mác	
146.		Kiểm tra về yêu cầu với tế bào	
147.		Thử nghiệm điện áp danh định	
148.		Thử nghiệm dung lượng danh định	
149.		Thử nghiệm dung lượng phóng	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
150.	Pin Lithium cho thiết bị cầm tay	Thử nghiệm dung lượng nạp	QCVN 101:2020/BTTTT
151.		Thử nghiệm điện trở trong (pin)	
152.		Thử nghiệm độ bền chu kỳ sống	
153.		Thử nghiệm phóng tĩnh điện – ESD (pin)	
154.		Thử nghiệm nạp liên tục tại điện áp không đổi (tế bào)	
155.		Thử nghiệm vỏ pin trong điều kiện sử dụng tại môi trường nhiệt độ cao (pin)	
156.		Thử nghiệm ngắn mạch ngoài	
157.		Thử nghiệm rơi tự do	
158.		Thử nghiệm quá nhiệt (tế bào)	
159.		Thử nghiệm ép (tế bào)	
160.		Thử nghiệm nạp quá tải (pin)	
161.		Thử nghiệm phóng cưỡng bức (tế bào)	
162.		Thử nghiệm đo rung	
163.		Thử nghiệm đo xóc	
164.	Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất (E-UTRA)	Thử nghiệm công suất ra cực đại của máy phát	QCVN 117:2023/BTTTT
165.		Thử nghiệm mặt nạ phổ phát xạ của máy phát	
166.		Thử nghiệm phát xạ giả của máy phát	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
167.	Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất (E-UTRA)	Thử nghiệm công suất ra cực tiểu của máy phát	QCVN 117:2023/BTTTT
168.		Thử nghiệm độ chọn lọc kênh lân cận của máy thu	
169.		Thử nghiệm đặc tính chặn của máy thu	
170.		Thử nghiệm đáp ứng giả của máy thu	
171.		Thử nghiệm đặc tính xuyên điều chế của máy thu	
172.		Thử nghiệm phát xạ giả của máy thu	
173.		Thử nghiệm tỉ số công suất rò kênh lân cận của máy phát	
174.		Thử nghiệm độ nhạy tham chiếu của máy thu	
175.		Thử nghiệm chức năng điều khiển và giám sát	
176.	Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất (W-CDMA)	Thử nghiệm công suất ra cực đại của máy phát	QCVN 117:2023/BTTTT
177.		Thử nghiệm mặt nạ phổ phát xạ của máy phát	
178.		Thử nghiệm phát xạ giả của máy phát	
179.		Thử nghiệm công suất ra cực tiểu của máy phát	
180.		Thử nghiệm độ chọn lọc kênh lân cận của máy thu	
181.		Thử nghiệm đặc tính chặn của máy thu	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
182.	Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất (W-CDMA)	Thử nghiệm đáp ứng giả của máy thu	QCVN 117:2023/BTTTT
183.		Thử nghiệm đặc tính xuyên điều chế của máy thu	
184.		Thử nghiệm phát xạ giả của máy thu	
185.		Thử nghiệm điều khiển công suất ra khi mất đồng bộ	
186.		Thử nghiệm tỉ số công suất rò kênh lân cận của máy phát	
187.		Thử nghiệm độ nhạy tham chiếu của máy thu	
188.		Thử nghiệm chức năng điều khiển và giám sát	
189.	Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất (GSM)	Thử nghiệm sai số pha và sai số tần số	QCVN 117:2023/BTTTT
190.		Thử nghiệm sai số pha và sai số tần số trong cấu hình đa khe GPRS	
191.		Thử nghiệm công suất ra máy phát và định thời cụm	
192.		Thử nghiệm công suất ra máy phát trong cấu hình đa khe GPRS	
193.		Thử nghiệm sai số tần số và độ chính xác điều chế trong cấu hình EGPRS	
194.		Thử nghiệm công suất ra máy phát EGPRS	
195.		Thử nghiệm Phổ RF đầu ra	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
196.	Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất (GSM)	Thử nghiệm phổ RF đầu ra trong cấu hình đa khe GPRS	QCVN 117:2023/BTTTT
197.		Thử nghiệm phát xạ giả dẫn khi MS được cấp phát kênh	
198.		Thử nghiệm phát xạ giả dẫn khi MS trong chế độ rỗi	
199.		Thử nghiệm đặc tính chặn của máy thu và đáp ứng tạp trên các kênh thoại	
200.		Thử nghiệm phổ RF đầu ra trong cấu hình EGPRS	
201.		Thử nghiệm đặc tính chặn và đáp ứng tạp trong cấu hình EGPRS	
202.	Thiết bị trạm gốc thông tin di động 5G - Phần truy nhập vô tuyến	Thử nghiệm công suất ngõ ra trạm gốc	QCVN 128:2021/BTTTT
203.		Thử nghiệm tỷ số công suất rò kênh lân cận ACLR	
204.		Thử nghiệm phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động	
205.		Thử nghiệm phát xạ giả máy phát	
206.		Thử nghiệm xuyên điều chế máy phát	
207.		Thử nghiệm phát xạ giả máy thu	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
208.	Thiết bị trạm gốc thông tin di động đa công nghệ NR và E-UTRA	Thử nghiệm phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động	QCVN 133:2024/BTTTT
209.		Thử nghiệm tỷ số công suất rò kênh lân cận ACLR	
210.		Thử nghiệm phát xạ giả máy phát	
211.		Thử nghiệm công suất ngõ ra trạm gốc	
212.		Thử nghiệm phát xạ giả máy thu	
213.	Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (BTS)	Kiểm tra xác định các vùng	QCVN 8:2022/BTTTT
214.		Thử nghiệm tỷ lệ phơi nhiễm tổng cộng	
215.	Đài phát thanh, đài truyền hình	Kiểm tra xác định các vùng	QCVN 78:2014/BTTTT
216.		Thử nghiệm tỷ lệ phơi nhiễm tổng cộng	
217.	Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (BTS) Đài phát thanh, đài truyền hình Trạm viễn thông, trung tâm dữ liệu	Thử nghiệm tổ tiếp đất	QCVN 9:2016/BTTTT
218.		Kiểm tra tầm tiếp đất chính	
219.		Kiểm tra cáp tiếp đất	
220.		Kiểm tra mạng CBN bên trong trạm viễn thông	
221.		Kiểm tra mạng liên kết trong hệ thống thiết bị viễn thông	
222.		Kiểm tra kết nối mạng CBN và các mạng MESH-BN	
223.		Kiểm tra cáp kết nối giữa các mạng MESH- BN	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
224.	Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (BTS)	Kiểm tra phân phối điện DC của nguồn thứ cấp	QCVN 9:2016/BTTTT
225.		Kiểm tra phân phối điện DC của nguồn cấp ba	
226.		Kiểm tra phân phối nguồn điện lưới AC và kết nối dây bảo vệ	
227.		Kiểm tra phân phối điện AC từ nguồn điện cấp ba	
228.	Trạm viễn thông, trung tâm dữ liệu	Kiểm tra tính toán rủi ro do sét gây ra đối với trạm viễn thông	QCVN 32:2020/BTTTT
229.		Kiểm tra tính toán rủi ro do sét gây ra đối với mạng cáp ngoại vi viễn thông	
230.	Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất	Thử nghiệm thời gian trễ trung bình	QCVN 34:2022/BTTTT
231.		Thử nghiệm tốc độ tải dữ liệu trung bình	
232.		Kiểm tra mức chiếm dụng băng thông	
233.		Kiểm tra độ khả dụng của dịch vụ	
234.		Kiểm tra thời gian thiết lập dịch vụ	
235.		Kiểm tra thời gian khắc phục mất kết nối	
236.		Kiểm tra khiếu nại của khách hàng về chất lượng dịch vụ	
237.		Kiểm tra hồi âm khiếu nại của khách hàng	
238.		Kiểm tra dịch vụ trợ giúp khách hàng	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
239.	Dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất	Thử nghiệm tỷ lệ cuộc gọi thiết lập không thành công	QCVN 35:2019/BTTTT
240.		Thử nghiệm độ chính xác ghi cước	
241.		Kiểm tra tỷ lệ cuộc gọi bị tính cước, lập hóa đơn sai	
242.		Kiểm tra độ khả dụng của dịch vụ	
243.		Kiểm tra sự cố đường dây thuê bao	
244.		Kiểm tra thời gian chờ sửa chữa sự cố đường dây thuê bao	
245.		Kiểm tra thời gian thiết lập dịch vụ	
246.		Kiểm tra khiếu nại của khách hàng về chất lượng dịch vụ	
247.		Kiểm tra hồi âm khiếu nại của khách hàng	
248.		Kiểm tra dịch vụ trợ giúp khách hàng	
249.	Dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông di động mặt đất	Thử nghiệm độ sẵn sàng của mạng vô tuyến	QCVN 36:2022/BTTTT
250.		Thử nghiệm tỷ lệ cuộc gọi thiết lập không thành công	
251.		Thử nghiệm tỷ lệ cuộc gọi bị rơi	
252.		Thử nghiệm chất lượng thoại	
253.		Thử nghiệm độ chính xác ghi cước	
254.		Kiểm tra tỷ lệ cuộc gọi bị tính cước, lập hóa đơn sai	
255.		Kiểm tra độ khả dụng của dịch vụ	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
256.	Dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông di động mặt đất	Kiểm tra khiếu nại của khách hàng về chất lượng dịch vụ	QCVN 36:2022/BTTTT
257.		Kiểm tra hài âm khiếu nại của khách hàng	
258.		Kiểm tra dịch vụ trợ giúp khách hàng	
259.	Dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất.	Thử nghiệm độ sẵn sàng của mạng vô tuyến	QCVN 81:2019/BTTTT
260.		Thử nghiệm tỷ lệ truy nhập không thành công dịch vụ	
261.		Thử nghiệm thời gian trễ trung bình truy nhập dịch vụ	
262.		Thử nghiệm tỷ lệ truyền tải dữ liệu bị rơi	
263.		Thử nghiệm tốc độ tải dữ liệu trung bình	
264.		Kiểm tra khiếu nại của khách hàng về chất lượng dịch vụ	
265.		Kiểm tra hài âm khiếu nại của khách hàng	
266.		Kiểm tra dịch vụ trợ giúp khách hàng	
267.	Dịch vụ tin nhắn ngắn trên mạng viễn thông di động mặt đất	Thử nghiệm tỷ lệ truy nhập thành công dịch vụ tin nhắn	QCVN 82:2014/BTTTT
268.		Thử nghiệm thời gian trễ trung bình truy nhập dịch vụ tin nhắn	
269.		Thử nghiệm tỷ lệ gửi nhận tin nhắn thành công	
270.		Thử nghiệm thời gian gửi nhận tin nhắn trung bình từ đầu cuối đến đầu cuối	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
271.	Dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất 5G	Thử nghiệm độ sẵn sàng của mạng vô tuyến	QCVN 126:2021/BTTTT Sửa đổi 1:2024 QCVN 126:2021/BTTTT
272.		Thử nghiệm tỷ lệ truy nhập không thành công dịch vụ	
273.		Thử nghiệm thời gian trễ trung bình truy nhập dịch vụ	
274.		Thử nghiệm tỷ lệ truyền tải dữ liệu bị rơi	
275.		Thử nghiệm tốc độ tải dữ liệu trung bình	
276.		Kiểm tra dịch vụ trợ giúp khách hàng	

2. Phòng thử nghiệm tại Chi nhánh miền Nam: Số 45 Trần Lưu, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
1.	Thiết bị trạm gốc thông tin di động W-CDMA FDD	Thử nghiệm mặt nạ phổ phát xạ	QCVN 16:2018/BTTTT
2.		Thử nghiệm tỷ số công suất rò kênh lân cận (ACLR)	
3.		Thử nghiệm phát xạ giả của máy phát	
4.		Thử nghiệm công suất ra cực đại của trạm gốc	
5.		Thử nghiệm xuyên điều chế phát	
6.		Thử nghiệm các phát xạ giả của máy thu	
7.		Thử nghiệm các đặc tính chặn	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
8.	Thiết bị trạm gốc thông tin di động W-CDMA FDD	Thử nghiệm các đặc tính xuyên điều chế của máy thu	QCVN 16:2018/BTTTT
9.		Thử nghiệm độ chọn lọc kênh lân cận của máy thu	
10.		Thử nghiệm độ nhạy chuẩn	
11.		Thử nghiệm công suất ngõ ra BS trong nhà để bảo vệ kênh lân cận	
12.	Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện hoạt động trong dải tần số từ 9 kHz đến 30 GHz	Thử nghiệm dung sai tần số	QCVN 47:2015/BTTTT
13.		Thử nghiệm phát xạ giả	
14.		Thử nghiệm phát xạ ngoài băng	
15.		Thử nghiệm băng thông chiếm dụng	
16.	Thiết bị truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz	Thử nghiệm công suất phát RF	QCVN 54:2020/BTTTT
17.		Thử nghiệm mật độ phổ công suất (đối với thiết bị không phải FHSS)	
18.		Thử nghiệm chu kỳ làm việc, chuỗi phát, khoảng ngừng phát	
19.		Thử nghiệm thời gian truyền tích lũy, chuỗi nhảy tần và chiếm giữ tần số	
20.		Thử nghiệm khoảng nhảy tần (đối với thiết bị FHSS)	
21.		Thử nghiệm hệ số sử dụng môi trường	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
22.	Thiết bị truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz	Thử nghiệm khả năng thích nghi của thiết bị FHSS thích nghi	QCVN 54:2020/BTTTT
23.		Thử nghiệm băng thông kênh chiếm dụng	
24.		Thử nghiệm phát xạ không mong muốn của máy phát trong miền ngoài băng (dẫn)	
25.		Thử nghiệm phát xạ không mong muốn của máy phát trong miền giả (dẫn)	
26.		Thử nghiệm phát xạ giả của máy thu (dẫn)	
27.		Thử nghiệm đặc tính chặn của máy thu	
28.		Thử nghiệm khả năng thích nghi của thiết bị khác FHSS	
29.		Kiểm tra khả năng định vị vị trí địa lý	
30.	Thiết bị truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz	Thử nghiệm tần số trung tâm danh định	QCVN 65:2021/BTTTT
31.		Thử nghiệm băng thông kênh danh định và băng thông kênh chiếm dụng	
32.		Thử nghiệm công suất phát RF, điều khiển công suất phát (TPC) và mật độ công suất	
33.		Thử nghiệm phát xạ không mong muốn ngoài băng tần RLAN 5 GHz (dẫn)	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
34.	Thiết bị truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz	Thử nghiệm phát xạ không mong muốn của máy phát trong băng tần RLAN 5 GHz (dẫn)	QCVN 65:2021/BTTTT
35.		Thử nghiệm phát xạ giả máy thu (dẫn)	
36.		Thử nghiệm lựa chọn tần số động DFS	
37.		Thử nghiệm đặc tính chặn máy thu	
38.	Thiết bị lập thông tin di động W-CDMA FDD	Thử nghiệm phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động	QCVN 66:2018/BTTTT
39.		Thử nghiệm các phát xạ giả	
40.		Thử nghiệm công suất ra cực đại	
41.		Thử nghiệm xuyên điều chế đầu vào	
42.		Thử nghiệm tăng ích ngoài băng	
43.		Thử nghiệm hệ số nén kênh lân cận	
44.		Thử nghiệm xuyên điều chế đầu ra	
45.	Thiết bị trạm gốc thông tin di động E-UTRA phân truy nhập vô tuyến	Thử nghiệm phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động	QCVN 110:2023/BTTTT
46.		Thử nghiệm tỷ số công suất rò kênh lân cận (ACLR)	
47.		Thử nghiệm phát xạ giả máy phát	
48.		Thử nghiệm công suất ra cực đại của trạm gốc	
49.		Thử nghiệm xuyên điều chế máy phát	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
50.	Thiết bị trạm gốc thông tin di động E-UTRA phân truy nhập vô tuyến	Thử nghiệm phát xạ giả máy thu	QCVN 110:2023/BTTTT
51.		Thử nghiệm đặc tính chặn	
52.		Thử nghiệm đặc tính xuyên điều chế máy thu	
53.		Thử nghiệm độ chọn lọc kênh lân cận (ACS) và chặn băng hẹp	
54.		Thử nghiệm công suất ra của trạm gốc trong nhà để bảo vệ kênh UTRA lân cận	
55.		Thử nghiệm công suất ra của trạm gốc trong nhà để bảo vệ kênh E-UTRA lân cận	
56.		Thử nghiệm công suất ra của trạm gốc trong nhà để bảo vệ E-UTRA đồng kênh	
57.		Thử nghiệm mức chọn lọc chuẩn	
58.	Thiết bị trạm lặp thông tin di động E-UTRA FDD	Thử nghiệm phát xạ không mong muốn băng tần hoạt động	QCVN 111:2023/BTTTT
59.		Thử nghiệm phát xạ giả	
60.		Thử nghiệm công suất ra cực đại	
61.		Thử nghiệm xuyên điều chế đầu vào	
62.		Thử nghiệm tăng ích ngoài băng	
63.		Thử nghiệm hệ số nén kênh lân cận	
64.		Thử nghiệm xuyên điều chế đầu ra	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
65.	Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất (E-UTRA)	Thử nghiệm công suất ra cực đại của máy phát	QCVN 117:2023/BTTTT
66.		Thử nghiệm mật nà phổ phát xạ của máy phát	
67.		Thử nghiệm phát xạ giả của máy phát	
68.		Thử nghiệm công suất ra cực tiểu của máy phát	
69.		Thử nghiệm độ chọn lọc kênh lân cận của máy thu	
70.		Thử nghiệm đặc tính chặn của máy thu	
71.		Thử nghiệm đáp ứng giả của máy thu	
72.		Thử nghiệm đặc tính xuyên điều chế của máy thu	
73.		Thử nghiệm phát xạ giả của máy thu	
74.		Thử nghiệm tỉ số công suất rò kênh lân cận của máy phát	
75.		Thử nghiệm độ nhạy tham chiếu của máy thu	
76.		Thử nghiệm chức năng điều khiển và giám sát	
77.	Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất (W-CDMA)	Thử nghiệm công suất ra cực đại của máy phát	QCVN 117:2023/BTTTT
78.		Thử nghiệm mật nà phổ phát xạ của máy phát	
79.		Thử nghiệm phát xạ giả của máy phát	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
80.	Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất (W-CDMA)	Thử nghiệm công suất ra cực tiểu của máy phát	QCVN 117:2023/BTTTT
81.		Thử nghiệm độ chọn lọc kênh lân cận của máy thu	
82.		Thử nghiệm đặc tính chặn của máy thu	
83.		Thử nghiệm đáp ứng giả của máy thu	
84.		Thử nghiệm đặc tính xuyên điều chế của máy thu	
85.		Thử nghiệm phát xạ giả của máy thu	
86.		Thử nghiệm điều khiển công suất ra khi mất đồng bộ	
87.		Thử nghiệm tỉ số công suất rò kênh lân cận của máy phát	
88.		Thử nghiệm độ nhạy tham chiếu của máy thu	
89.		Thử nghiệm chức năng điều khiển và giám sát	
90.	Thiết bị trạm gốc thông tin di động 5G - Phần truy nhập vô tuyến	Thử nghiệm công suất ngõ ra trạm gốc	QCVN 128:2021/BTTTT
91.		Thử nghiệm công suất ON/OFF máy phát	
92.		Thử nghiệm thời gian chuyển trạng thái máy phát	
93.		Thử nghiệm tỷ số công suất rò kênh lân cận ACLR	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
94.	Thiết bị trạm gốc thông tin di động 5G - Phần truy nhập vô tuyến	Thử nghiệm phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động	QCVN 128:2021/BTTTT
95.		Thử nghiệm phát xạ giả máy phát	
96.		Thử nghiệm xuyên điều chế máy phát	
97.		Thử nghiệm độ nhạy thu	
98.		Thử nghiệm độ chọn lọc kênh lân cận ACS	
99.		Thử nghiệm chặn trong băng	
100.		Thử nghiệm chặn ngoài băng	
101.		Thử nghiệm phát xạ giả máy thu	
102.		Thử nghiệm xuyên điều chế máy thu	
103.		Thử nghiệm chọn lọc kênh	
104.	Thiết bị trạm gốc thông tin di động đa công nghệ NR và E-UTRA	Thử nghiệm phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động	QCVN 133:2024/BTTTT
105.		Thử nghiệm tỷ số công suất rò kênh lân cận ACLR	
106.		Thử nghiệm phát xạ giả máy phát	
107.		Thử nghiệm công suất ngõ ra trạm gốc	
108.		Thử nghiệm xuyên điều chế máy phát	
109.		Thử nghiệm phát xạ giả máy thu	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
110.	Thiết bị trạm gốc thông tin di động đa công nghệ NR và E-UTRA	Thử nghiệm chặn trong băng	QCVN 133:2024/BTTTT
111.		Thử nghiệm chặn ngoài băng/đặc tính chặn	
112.		Thử nghiệm xuyên điều chế máy thu	
113.		Thử nghiệm chặn băng hẹp	
114.		Thử nghiệm chọn lọc kênh lân cận (ACS), chặn chung và chặn băng hẹp	
115.		Thử nghiệm mức độ nhạy thu tham chiếu	
116.	Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (BTS)	Kiểm tra xác định các vùng	QCVN 8:2022/BTTTT
117.		Thử nghiệm tỷ lệ phơi nhiễm tổng cộng	
118.	Đài phát thanh, đài truyền hình	Kiểm tra xác định các vùng	QCVN 78:2014/BTTTT
119.		Thử nghiệm tỷ lệ phơi nhiễm tổng cộng	
120.	Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (BTS) Đài phát thanh, đài truyền hình Trạm viễn thông, trung tâm dữ liệu	Thử nghiệm tổ tiếp đất	QCVN 9:2016/BTTTT
121.		Kiểm tra tám tiếp đất chính	
122.		Kiểm tra cáp tiếp đất	
123.		Kiểm tra mạng CBN bên trong trạm viễn thông	
124.		Kiểm tra mạng liên kết trong hệ thống thiết bị viễn thông	
125.		Kiểm tra kết nối mạng CBN và các mạng MESH-BN	
126.		Kiểm tra cáp kết nối giữa các mạng MESH- BN	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
127.	Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (BTS) Đài phát thanh, đài truyền hình	Kiểm tra phân phối điện DC của nguồn thứ cấp	QCVN 9:2016/BTTTT
128.		Kiểm tra phân phối điện DC của nguồn cấp ba	
129.		Kiểm tra phân phối nguồn điện lưới AC và kết nối dây bảo vệ	
130.		Kiểm tra phân phối điện AC từ nguồn điện cấp ba	
131.	Trạm viễn thông, trung tâm dữ liệu	Kiểm tra tính toán rủi ro do sét gây ra đối với trạm viễn thông	QCVN 32:2020/BTTTT
132.		Kiểm tra tính toán rủi ro do sét gây ra đối với mạng cáp ngoại vi viễn thông	